| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37 /*2017*/*HNGĐ - ST*
Ngày: 29/9/2017
*V/v "Yêu cầu không công nhận vợ chồng"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***+Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh**

*-Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Phan Văn Vinh** và Bà **Đặng Thị Minh Anh**

*-Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên toà:* Ông **Đỗ Văn Khoa** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 297 /2017/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2017 về yêu cầu " Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

**+ Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1956.

HKTT: Thôn TH, xã H, huyện Ba Vì, tp Hà Nội.

Hiện cư trú tại : Số nhà 14, thôn N, xã L, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

+ **Bị đơn :** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1964.

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: thôn TH,xã H,huyện Ba Vì,Hà Nội

*(Bà T đã bị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tuyên bố mất tích)*

**+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Trung K - sinh năm 1985

- Chị Nguyễn Thị Hồng Th - sinh năm 1983

Đều HKTT: Thôn TH - xã H - huyện Ba Vì - tp Hà Nội.

Hiện cư trú tại : Số nhà 14, thôn N, xã L, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

*( Ông Q có mặt, bà T vắng mặt, anh K và chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ông Nguyễn Hữu Q trình bày: Ông Q và bà Vũ Thị T có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống giữa ông Q và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, năm 1996 bà T tự ý bỏ nhà đi sau đó vi phạm pháp luật và bỏ trốn. Đến năm 1999 ông Q đã làm đơn xin ly hôn bà T tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì nhưng chưa giải quyết xong với lý do bà T vi phạm hình sự và bỏ trốn. Trong thời gian bà T bỏ trốn, ông Q và gia đình đã tổ chức tìm kiếm nhưng không có tin tức gì, không biết bà T còn sống hay chết, ông Q đã làm đầy đủ các biện pháp tìm kiếm trên các phương tiện truyền thông như báo Nhân dân, Đài tiếng nói Việt Nam, báo Hà nội mới nhưng không có tin tức gì về bà T. Ngày 31 tháng 7 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã ra quyết định tuyên bố bà Vũ Thị T mất tích. Từ khi Tòa án ra quyết định tuyên bố mất tích, ông Q cùng gia đình không có tin tức gì về bà T, không biết bà T hiện nay sống hay chết. Ông Q xác nhận ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan hành hành chính nhà nước có thẩm quyền nào. Để đảm bảo quyền lợi cho ông, ông Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì không công nhận vợ chồng giữa ông Q và bà T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng Th , sinh năm 1983 và Nguyễn Trung K , sinh năm 1985 hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng, các con đều khỏe mạnh, minh mẫn, có năng lực pháp luật, năng lực hành vi đầy đủ nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và trợ cấp.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông Q xác định không còn tài sản gì vì trong quá trình chung sống đến khi bà T bỏ đi từ năm 1996, ông Q đã bán hết tài sản để trả nợ và lo cho các con ăn học.

Tại các bản tự khai ngày 11/8/2017 chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Trung K trình bày: Chị Th và anh K là con của ông Q với bà T, chị Th, anh K được biết ông Q và bà T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau. Trong quá trình chung sống , ông Q và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, năm 1999 ông Q đã làm đơn xin ly hôn bà T tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì nhưng chưa giải quyết được do bà T vi phạm pháp luật hình sự, sau đó bỏ trốn và bị truy nã từ năm 2002 cho đến nay không có tin tức gì. Ông Q đã làm đầy đủ các thủ tục thông báo tìm kiếm trên các phương tiện tuyền thông và Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tuyên bố bà T mất tích, từ đó đến nay anh K, chị Th không có tin tức gì về bà T, không biết bà T còn sống

hay chết. Do ông Q và bà T chung sống với nhau không có đăng ký kết theo quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền lợi cho ông Q, anh K, chị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị Th, anh K đã trưởng thành và có gia đình riêng, là người hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫm có đầy đủ năng lực pháp luật, hành vi đầy đủ. Về tài sản chung, công sức, công nợ của ông Q và bà T chị xác định không có gì và không còn gì vì từ khi bà T bỏ trốn năm 2002 cho đến nay, ông Q đã bán hết tài sản để thanh toán công nợ và nuôi dạy các con, trang trải cuộc sống gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2017, Ủy ban nhân dân xã H và ông trưởng thôn TH cho biết: ông Nguyễn Hữu Q và bà Vũ Thị T là công dân của xã H. Ông Q và bà T chung sống với nhau như vợ chồng, có hai con chung, sống cùng nhau thời gian bao nhiêu lâu thì UBND xã không biết. Theo sổ sách hồ sơ lưu trữ việc đăng ký kết hôn thì không có trường hợp nào là ông Nguyễn Hữu Q và Vũ Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã. Ông Q và bà T chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Từ năm 1999 bà T phạm tội liên quan đến ma túy đã trốn khỏi địa phương, Cơ quan Công an đã ra lệnh truy nã từ đó đến nay không trở về địa phương, chính quyền địa phương không rõ bà T đang ở đâu. Từ khi Tòa án tuyên bố mất tích bà T cho đến nay bà T không trở về địa phương. Hiện nay ông Nguyễn Hữu Q có hộ khẩu tại địa phương nhưng không có tài sản gì tại địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Hữu Q vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, ông Q xác định ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì không công nhận vợ chồng giữa ông và bà T. Về con chung thì có 2 con nhưng đều đã trưởng thành và không có nhược điểm và thể chất, tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có gì, không còn gì vì ông đã bán hết tài sản để trả nợ và nuôi dạy con cái.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các bước tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng quy định, từ nhận đơn, thụ lý đơn, ra các văn bản tố tụng, niêm yết công khai đầy đủ thủ tục, tại phiên tòa HĐXX tuân thủ đầy đủ trình tự thủ tục, Thư ký đọc nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt các đương sự, Thẩm phán khai mạc phiên tòa, kiểm tra sự có mặt, lý do vắng mặt của đương sự, trình tự xét hỏi, tranh luận đúng trình tự luật định. Đề nghị về đường lối, nội dung giải quyết vụ án : Trong hồ sơ và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, bản khai, biên bản xác minh thể hiện ông Q và bà T đã chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện đi đăng ký nhưng ông Q, bà T không thực hiện, năm 1996 bà T tự ý bỏ nhà đi, sau đó vi phạm pháp luật hình sự, Tòa án đã làm đầy

đủ thủ tục trình tự tuyên bố bà T mất tích, đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 131 điều khoản chuyển tiếp Luật hôn nhân và gia đình 2015; khoản 1 Điều 11, Điều 85; 87; 89 Luật hôn nhân và gia đình 2000, chấp nhận yêu cầu của ông Q, không công nhận ông Q và bà T là vợ chồng, về con chung, ông Q ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng Th - sinh năm 1983 và Nguyễn Trung K - sinh năm 1985 hiện nay cả hai đã trưởng thành và có gia đình riêng, cả hai con của ông đề khỏe mạnh, minh mẫn, có năng lực, hành vi đầy đủ nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và trợ cấp. Về tài sản chung, riêng, công sức, công nợ theo ông Q khai là không có gì, không còn gì, nhưng xác định đây là yêu cầu một phía của ông Q nên chưa có căn cứ cơ sở chấp nhận, để bảo vệ quyền lợi cho bà T, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chưa xem xét giải quyết về tài sản chung, riêng, công sức, công nợ giữa ông Q với bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: ông Nguyễn Hữu Q và bà Vũ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, trong khi ông Q và bà T có đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn, vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11; Điều 87 Luật Hôn nhân gia đình 2000, chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông Nguyễn Hữu Q với bà Vũ Thị T là có căn cứ đúng pháp luật.

Về con chung: Có 02 con Nguyễn Thị Hồng Th , sinh năm 1983 và Nguyễn Trung K , sinh năm 1985 đều đã trưởng thành và không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, công sức,công nợ : Xét yêu cầu của ông Q cho rằng về tài sản chung, công sức, công nợ của ông và bà T không có, không còn gì vì ông Q đã bán hết tài sản để trang trải công nợ do bà T để lại và để nuôi dạy các con, lo công ăn việc làm cho các con là hợp pháp. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã về tại địa phương nơi cư trú của ông Q, bà T xác minh tài sản chung giữa ông Q với bà T, kết quả xác minh được chính quyền xã H, thôn TH xác nhận không có tài sản gì tại địa phương. Tuy nhiên đây chỉ là yêu cầu một phía của ông Q, như vậy yêu cầu của ông Q chưa có cơ sở xem xét giải quyết, do vậy chưa xem xét giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ giữa ông Q và bà T là có căn cứ pháp luật.

Án phí: Ông Nguyễn Hữu Q phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ:** khoản 1 Điều 11; Điều 87; Điều 92; 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 147, điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

**Xử :** -Về quan hệ hôn nhân : Không công nhận ông Nguyễn Hữu Q và bà Vũ Thị T là vợ chồng.

-Về con chung : có 02 con Nguyễn Thị Hồng Th - sinh năm 1983 và Nguyễn Trung K - sinh năm 1985 đều đã trưởng thành và không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

-Về tài sản chung, riêng, công sức công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

**-**Về án phí : Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, ông Q đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007937 ngày 31/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm ông Q phải nộp.

Ông Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà T, anh K, chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
*- TAND thành phố Hà Nội*
*- VKSND huyện Ba Vì*
*- Chi cục THADS huyện Ba Vì*
*- Các đương sự*
*- Lưu VP, HS*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Phúc Thịnh**